

GIẢI MÃ CẬP ĐÔI SỰ KIỆN NĂM 1471 TRÊN ĐẤT ARYARU

Nguyễn Lục Gia

[TÓM TẮT: Cuối 1470 đầu 1471, hoàng đế Lê Thánh Tông chinh phạt Champa tới kinh đô Vijaya, lập ra thuộc quốc Hoa Anh và phong vương cho Bàn La Trà Duyệt. Mùa đông 1471, Lê Thánh Tông Nam chinh lần hai đến Linh sơn, bắt sống Trà Duyệt, giải tán Hoa Anh quốc, đồng thời làm lễ vinh danh chiến thắng tại đây. Tuy nhiên, cương vực giữa Đại Việt với Champa vẫn dừng lại ở dãy Cù Mông chứ không phải Linh sơn, tức Thạch Bi sơn/ núi Đá Bia mà sớm nhất cũng phải đến năm 1611 mới mang ý nghĩa nơi phân định bờ cõi.

Bài viết cập nhật một số nhận thức mới về danh xưng Thạch Bi sơn, chủ quyền lãnh thổ của quốc gia Đại Việt thời hoàng đế Lê Thánh Tông cùng những kiến giải về một góc khuất của lịch sử Việt Nam thời trung đại: nhà nước Hoa Anh]

Trước khi xuất hiện danh xưng Phú Yên trên bản đồ quốc gia Đại Việt, lịch sử đã dùng chân khá lâu trên vùng đất trái độn (ky my) có tên Chàm Aryaru⁽¹⁾ này. Tại thời điểm 1471 mang tính bước ngoặt trong tiến trình mở đất của người Việt, từng diễn ra hai sự kiện quan trọng đặc biệt liên quan đến cột mốc thiên nhiên danh tiếng mang tên gọi Thạch Bi, đó là việc chinh phạt Champa của hoàng đế Lê Thánh Tông và sự xuất hiện thuộc quốc Hoa Anh. Xin không phải nhắc lại mọi kiến giải trước nay về hai vấn đề này, tác giả bài viết trực tiếp đề cập ý kiến của mình dựa trên cơ sở xâu chuỗi các tài liệu đã được minh định như sau.

Hoàng đế Lê Thánh Tông đích thân hai lần chinh phạt Champa

Hai bộ chính sử biên niên trường thiên và tương đối đầy đủ sự kiện nhất của lịch sử Việt Nam ghi chép từ nguồn gốc đến thời Lê trung hưng là *Đại Việt sử ký toàn thư* (gọi tắt *Toàn thư*) và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (gọi tắt *Cương mục*), đều xác nhận hai lần triều đình nhà Hậu Lê đem quân chinh phạt Champa bắt đầu vào tháng 11 năm Canh Dần (1470) và cùng tháng ấy năm sau Tân Mão (1471). Lần chinh phạt thứ nhất do đích thân hoàng đế Lê Thánh Tông tổng chỉ huy 26 vạn tinh binh, cả hai bộ sách đều thống nhất. Lần chinh phạt thứ hai *Toàn thư* không nói rõ người cầm quân đi, vị hoàng đế đầu triều hay chinh lỗ tướng quân Lê Niệm, chỉ chép: “Ngày mồng 8 [tháng 11], lại đi đánh Chiêm Thành. Bắt được chúa của nó là Trà Toại và bè lũ đem về kinh” [6, tr.458]; trong

khi đó *Cuong mục* ghi thẳng ở phần *Cuong* (bài cái, chữ to, tức nội dung cốt yếu khái lược) rằng “Tháng 11, mùa đông. Trà Toại, nước Chiêm Thành, làm phản. Nhà vua sai Lê Niệm làm bình chương tướng quân, đi đánh, dẹp yên được” [15, tr.1120]. Không thấy nguồn cứ liệu Quốc Sử Quán triều Nguyễn đưa ra, tuy nhiên có thể đoán định rằng các tác gia *Cuong mục* đã suy diễn từ cuộc tiến binh lần trước với vị trí tiên phong của đại tướng Lê Niệm, cũng như với tính chất cục bộ, tàn quân của cuộc nổi loạn lần này nên không cần đến oai uy trực tiếp của hoàng đế. Theo đó, *Cuong mục* đã tự mâu thuẫn khi đề cập đến một sự biến xảy ra trong khoảng niên hiệu Cảnh Thống (1498-1504) mà thủ phạm là Trà Phúc, con của Trà Toại, lấy trộm hài cốt Trà Toại mang về Champa kích động cuộc phục thù Đông Đô, với việc nhắc lại chuyện cũ rằng “Trước kia, Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, bắt được Trà Toại và vợ con hắn mang về an trí...” [16, tr.32]. *Toàn thư* thì khẳng định dứt khoát: “Trước đây... Thánh Tông thân hành đi đánh Chiêm Thành bắt được Trà Toại và vợ con nó đem về nước ta an trí...” [7, tr.45]. Dĩ nhiên, độ tin cậy về mặt sử liệu của *Toàn thư* vượt trội so với *Cuong mục*, bởi *Toàn thư* được chính tay các sử thần nhà Lê đương thời biên soạn.

Như vậy, có thể vì sợ mang tiếng phải cố đến hai lần vị hoàng đế anh minh lỗi lạc của Đại Việt mới đích thân khuất phục được một đối thủ nhỏ tầm, sử quan nhà Hậu Lê lờ đi quân công hiển hách lần này để rồi phô diễn trở lại trong một bối cảnh thuận tiện sau đó. Thực tế, Lê Thánh Tông đã tổ chức cho đại binh ca khúc khải hoàn tại đô thành Vijaya bị san bằng như hồi đầu năm 1471 này hay ở một nơi cách xa hàng trăm dặm về phía Nam tính từ dãy Cù Mông trắc trở?

Vinh danh chiến công tại núi Thạch Bi

Kết thúc trận chiến lần thứ nhất vào ngày đầu tháng 3 năm Tân Mão (1471), kinh thành Vijaya bị triệt hạ cùng với 4 vạn thủ cấp, 3 vạn tù binh, quốc vương Bàn La Trà Toàn và 50 thành viên hoàng gia Champa bị bắt sống. So với con số 10 vạn binh lực Champa tấn công Hóa Châu năm trước, trong tay đối phương ít ra vẫn còn khoảng 3 vạn. Do đó, khi em của Bàn La Trà Toàn là “Bàn La Trà Toại trốn vào trong núi, sai sứ đem việc trong nước bị hoạn nạn báo cáo với nhà Minh và xin nhà Minh phong vương cho. Nhà vua [Lê Thánh Tông] sai Lê Niệm làm bình chương tướng quân, thống lĩnh 3 vạn quân đi đánh, bắt Trà Toại và bộ lạc đưa về kinh sư” [15, tr.1121]. Con số 3 vạn tinh binh của Đại Việt do *Cuong mục* đưa ra nhằm đối trọng với lực lượng ước phỏng của Champa, tuy nhiên thực tế hẳn vượt

lên gấp bội để giành lấy ưu thế tuyệt đối trong một chiến dịch hết sức khẩn trương, phòng ngừa Minh triều nhúng tay can thiệp.

Rốt cuộc, sau những đòn tấn công dũng mãnh trong vùng thung lũng Aryaru thuộc lưu vực sông Đà Diễn, vòng vây của quân Việt dần dần siết chặt đối phương tại núi Thạch Bi với mục tiêu số một là vị quốc vương vừa được thụ phong ngai vàng Champa đang ẩn náu tại các hang động bí mật nơi đây. Không thể giải vây vượt qua dãy Đại Lĩnh thoát về hướng Kauthara, chúa Champa mà Việt sử gán cho cái tên Trà Toại buộc phải đầu hàng cùng với vợ con, thân tộc.

Nhận thấy đã tiến quá xa hậu phương phía Bắc và đang sát tâm phản công của kẻ địch, hoàng đế Lê Thánh Tông ngăn không cho đại binh truy kích tướng sĩ thất thủ Champa tìm đường tẩu thoát về bên kia dãy Đại Lĩnh, đồng thời tổ chức ăn mừng chiến thắng ngay dưới chân núi Thạch Bi. Chắc chắn một tấm bia ghi công hay một tượng đài vinh quang đã được dựng lên làm chứng tích, tuy nhiên không quá lạm cực đoan khẳng khẳng định chủ quyền kiểu “Chiêm Thành quá thử binh bại tướng vong, An Nam quá thử tướng chu binh chiết” [11, tr.111] như những gì mà dân gian truyền khẩu.

Vấn đề phân định chủ quyền

Mục đích sâu xa của cuộc chinh phạt lần hai không phải nhằm vào đất đai giữa hai dãy đèo hiểm trở mà là xê dịch khoảng không gian cần thiết cho sự an toàn tại cương vực Cù Môn. Do vậy, núi Thạch Bi không phải là ranh giới chính trị giữa Đại Việt với Champa mà chỉ mang tính ước định ngẫu nhiên. Không có một nét chữ nào khắc trên tảng đá khổng lồ nơi chóp đỉnh⁽²⁾. Các cuộc khảo sát của người Âu cũng xác nhận: “Không có ghi chú gì ở tảng đá” [9, tr.127]. Tuy nhiên, cũng có thể tên gọi Thạch Bi sơn xuất hiện trong bối cảnh này, khi quân Việt trực tiếp mục kích ngọn núi cao vút choãi chân ra biển với tảng đá đồ sộ đâm thẳng lên nền trời trông xa từ trăm dặm, theo nghĩa tục là núi bia đá/ngọn núi có tảng đá dựng đứng như bia dựng. Dù vậy, Thạch Bi sơn với tính cách là một địa danh chính thức vẫn chưa hiện diện trên các văn bản đương thời cho đến nửa sau thế kỷ XVIII. *Dur địa chí* không chỉ gồm những ghi chép của mỗi Nguyễn Trãi mà là một công trình mang tính tập thể, được bổ sung bởi nhiều tác gia qua các thời kỳ, kéo dài đến thế kỷ XIX, do đó địa danh núi Thạch Bi mà tác phẩm đề cập [10, tr.46] không xác định tính lịch sử của vấn đề. Bản đồ Hồng Đức tuy có ghi chữ Thạch Bi ở sát khung bia trái (hướng Nam) nhưng thời điểm xuất hiện tấm đồ bản này vẫn còn nhiều điểm đáng ngờ [8, tr.34-35]. Trong khi đó, trên bản đồ của Alexandre de

Rhodes (1650) không có địa danh Thạch Bi mà thay vào đó là Ponta da Varella xa về phía Nam dinh Pho-an (Phú Yên) [8, tr.34-35].

Đứng ở phương diện lịch sử, Nguyễn Hoàng với mưu đồ cát cứ đất Thuận Quảng phía Nam, đã chinh phạt Champa, mở đất từ dãy Cù Mông đến núi Thạch Bi, lập thành phủ Phú Yên năm 1611. Từ mốc sự kiện này, Thạch Bi sơn mới thực sự mang ý nghĩa đá bia – nơi phân định bờ cõi giữa vương quốc họ Nguyễn với nhà nước Champa, nói rộng ra là giữa Đại Việt với Champa. Đây là lời dặn dò của Tiên chúa Nguyễn Hoàng trước lúc lâm chung dành cho vị hoàng tử kế nghiệp được *Thực lục* chép lại: “Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Ngang [Hoành sơn] và sông Gianh [Linh giang] hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân và núi Đá Bia [Thạch Bi sơn] vững bền. Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng...” [14, tr.44]. Nhưng *Thực lục* được biên soạn vào đời Thiệu Trị (1844) nên liệu rằng tên gọi Thạch Bi sơn có bị Quốc Sử Quán gán ghép?

Về mặt địa danh học, tục danh núi Đá Bia có vẻ như xuất hiện trước khi có tên chữ Thạch Bi sơn và cách xa thời điểm 1471 đến chẵn 300 năm, từ một sự kiện tự nhiên xảy ra vào cuối năm Tân Mão (1771). *Thực lục* của triều Nguyễn chép: “Núi Thạch Bi ở Phú Yên bị sét đánh, đá đen ở núi đều hóa trắng cả, xa trông như bia đá dựng đứng, sắc như gio [tro] trắng. Chúa [Nguyễn Phúc Thuần] sai quan làm lễ đảo” [14, tr.241]. Theo đó, không chỉ chóp đá trên đỉnh núi mà cả ngọn núi đều trở thành bia đá. Chỉ từ sau cơn chấn động hy hữu của thiên tạo, nhánh núi tách ra từ dãy Đại Lĩnh hùng vĩ kia mới chính thức được đặt tên? Từ *Toàn thư* đến *Cương mục* đều hoàn toàn không đề cập đến địa danh Thạch Bi sơn hay núi Đá Bia cho đến trước sự kiện nói trên, trừ lời Chú giải thích các địa danh duyên cách tại thời điểm *Cương mục* biên soạn vào cuối đời Tự Đức. *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá Công Đạo xuất hiện ở gần cuối thế kỷ XVII (1686) mà vẫn không tìm thấy bóng dáng tên chữ Thạch Bi sơn, chỉ có một ghi chú nhỏ hơi xa về phía Nam thành Đồ Bàn (Vijaya cũ) với địa danh Phật Tinh/ Phật Tinh sơn [3, tr.93]. Phải chăng đây cũng chính là Phật Linh sơn như tài liệu Trung Hoa chỉ dẫn? Bất ngờ, gắn với biến cố tiền chiếm Phú Xuân của đoàn quân Lê – Trịnh, lần đầu tiên danh xưng Thạch Bi sơn xuất hiện gần như cùng lúc trên hai văn bản: *Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ* của Đoàn Quận công Bùi Thế Đạt và *Phủ biên tạp lục* của sử thần Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục* soạn theo nguồn tài liệu tại Phú Xuân năm 1776, nhờ kịp thời cập nhật sự kiện năm Tân Mão vừa tức thì xảy ra cách đó 5 năm nên đã chính thức hóa danh xưng Thạch Bi sơn, song dường như để gán nó với ân công chinh phạt của Lê triều hơn là vinh danh sự nghiệp mở đất của họ Nguyễn, chưa kể

những bất nhất khác của vị sử gia mang nhãn quan phù Trịnh này [4, tr.55, 156]. Cũng với cách thức và mục đích ấy, *Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ* (1774) tại ngang chóp núi giáp ranh giữa hai dinh Phú Yên với Bình Khang có kẻ khung mang dòng chữ “Hồng Đức lập Thạch Bi” [17, bản đồ số 6 phần Phụ lục] mà có lẽ chính hình ảnh trực quan bằng đồ bản này đã gây ra sự nhầm lẫn về sau rằng hoàng đế Lê Thánh Tông từng lưu văn khắc trên núi đá. Trong lúc đó, tiềm thức của người Chăm lắng trong các phiên bản folklore về danh xưng ngọn núi lại có tên là Hduon Ktol – núi Cùi Bắp, vì trông hình dáng giống như chiếc cùi bắp cắm trên cao⁽³⁾.

Trên bản đồ các nhà hải hành Trung Hoa và Bồ Đào Nha, chi núi tách ra từ dãy Đại Lãnh choài về phía biển được đánh dấu là Phật Linh sơn mà theo kiến giải của sử gia G. Coedès thì khối đá ở mũi Varella (Đại Lãnh) có tên chữ Hán là Ling (Lãnh/Lĩnh) lấy từ chữ Lingaparvata (Đại Sơn Thần), “và tên châu Âu hiện nay, trong các tài liệu Bồ Đào Nha, được dùng để chỉ các ngôi chùa” [1, tr.130]. Sự thực, khối đá “quay đầu về phía Đông như hình người [phật – TG]” [13, tr.79] và tùy theo góc nhìn, có khi tựa như dáng một nhà sư đang đi xuống núi. Từ đó, Phật Linh sơn được gọi và dùng để định vị cho tàu thuyền ngoại quốc ngang qua biển miền Trung Champa. Theo tường trình của sứ thần Trần Tuấn lên hoàng đế Minh Thành Hóa, quốc vương Champa đã đến tỵ nạn và bị quân Việt bắt sống ở Phật Linh sơn.

Quân đội Champa ngay sau đó đã quay lại xóa bỏ mọi dấu tích của kẻ chiến thắng, tái chiếm Aryaru và biến Thành Hồ thành cứ điểm phòng thủ lợi hại ngăn chặn sự tiến công đến từ mặt Bắc. Tài liệu khảo cổ học cho biết Thành Hồ đã được tu sửa, gia cố một cách vững chắc hơn ở niên đại thế kỷ cuối XV đầu XVI. “Từ sau năm 1471, việc xây dựng đền tháp hầu như bị ngừng hẳn để dồn sức cho việc xây dựng một thành lũy chưa từng có. Thành này... nằm trên bờ Bắc sông Đà Rằng” [5, tr.211]. Một vị hoàng đế kiên định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ như Lê Thánh Tông với lời thề “một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên dứt bỏ?” [6, tr.462], sẽ không bao giờ bỏ qua hành động xâm phạm cương vực của Champa. Rõ ràng ý niệm về phạm vi địa giới của Lê Thánh Tông không vượt quá dãy Cù Mông nên ông đã lơ đi việc người Chăm tái chiếm Thành Hồ. Hơn 1/4 thế kỷ trị vì từ sau cuộc chinh phạt Champa đến núi Đá Bia, như tục danh người Việt gọi về sau, vị hoàng đế tài ba nhất trong mọi vương triều phong kiến Việt Nam chưa từng có lời phàn nàn nào về đối thủ kẻ sát biên cảnh phía Nam, chứng tỏ nhà nước Đại Việt đã không coi đất Aryaru thuộc vào địa giới. Một bức thư gửi đến Minh triều tháng 4.1478 dường như trực tiếp biện giải về vấn đề này, có đoạn: “Lấy được đất đó

không thể ở được, lấy được dân đó không thể dùng được, được sản phẩm đó không đủ để giàu, được cái thế đó cũng không trở nên mạnh được. Giữ gìn đất đó rất khó, mà lợi thì ít. Phàm mất nhiều, mà lợi thì ít, họa thì rõ ràng, mà danh thì mờ昧; đó là lý do tại sao thần không chiếm đoạt đất đai Chiêm Thành để biến thành châu quận... Vậy xin đặc sai sứ giả thiên triều đích thân đến xem đất đai, và phục hưng dòng bị tuyệt, khiến cho nước Chiêm Thành trên dưới được an tập; nơi biên thùy của thần cũng được yên ổn...” [3, tr.104-105].

Không chủ trương sáp nhập Aryaru vào địa đồ, song Lê Thánh Tông cũng không muốn quân đội Champa áp sát giới tuyến Cù Mông. Thực tế, Champa cũng chỉ thúc thủ đến Thành Hồ, nghĩa là vẫn còn tới 3/4 quãng đất Aryaru làm chức năng khu phi quân sự. Hoàng đế Đại Việt hoàn toàn yên tâm với chiến lược phòng thủ quốc gia từ xa của mình ở mặt Nam.

Sự thật về Hoa Anh quốc và Hoa Anh quốc vương

Chính sử nhà Hậu Lê ghi chép những dòng nóng hổi chiến tích chinh phục của triều đại mình: “Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bô Trì Trì chạy đến Phiên Lung [Phan Rang], chiếm cứ đất ấy, xưng là chúa Chiêm Thành... sai sứ sang xưng thần, nộp cống, được phong làm vương. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn...” [6, tr.450]. Đất Phan Lung hay Panduranga cùng Nam Bàn đều đã rõ, còn Hoa Anh ở đâu?

Cuộc tiến quân lần nhất của hoàng đế Lê Thánh Tông dừng lại Bắc núi Cù Mông. Vùng đất vừa mới thu phục được Lê triều đặt làm thừa tuyên Quảng Nam và vệ Thăng Hoa, nhập vào đồ bản quốc gia Đại Việt. Như vậy, cương vực của nhà nước Hoa Anh là bộ phận đất đai còn lại ở quãng giữa, tiếp giáp ba vương quốc đã định danh theo ba hướng Bắc, Nam, Tây và hướng Đông trông ra biển lớn. Cách khác, Hoa Anh quốc bao gồm hai xứ Aryaru và Kauthara hợp lại. Ý đồ của Lê đế như đã nói rõ, việc tách làm ba thuộc quốc từ một nước Champa nhằm tạo thế ràng buộc/không chế lẫn nhau. Hoa Anh quốc trở thành vùng đệm ngăn cách giữa Đại Việt với phần cốt lõi của đế chế Hậu Champa – Panduranga.

Người được hoàng đế chiến thắng Lê Thánh Tông phong vương Hoa Anh quốc không ai khác mà chính là cựu vương Champa Bàn La Trà Duyệt, người đoạt ngai vị của triều đại trước thông qua một vụ mưu sát nội cung, song tức khắc trở thành nạn nhân cuộc tiếm quyền khác do em trai ông thực hiện: Bàn La Trà Toàn. Thật vậy, việc Bàn La Trà Duyệt phải hao tổn rất nhiều công sức mới đoạt được ngôi báu, sau đó chấp chính chưa đầy 3 năm ngắn ngủi (1458-1460) đã vội “thoái

vị, nhường ngôi cho em” [2, tr.235] là một sự cố hết sức đáng ngờ. Thông tin từ phía Minh triều càng sai lệch hơn bởi sự xảo trá của Bàn La Trà Toàn, dẫn đến việc xuống chiếu dụ ngày 27.9.1460 rằng: “quốc vương Ma Ha Bàn La Duyệt mới đây được phong tước vương, nối nghiệp quản lý việc nước, chưa được 4 năm đã vội mất, cái lý kế thừa không thể thiếu. Người em là Bàn La Trà Toàn, tính tình đôn hậu, biết giữ lễ khiêm cung; nên đặc cách sai... mang chiếu thư phong chức quốc vương Chiêm Thành” [3, tr.69]. Tròn 12 con giáp sau, thư cáo cấp của Champa gửi đến triều đình Trung Hoa ngày 27.6.1472 lại cho biết: “quan An Nam đến đánh phá kinh thành, bắt quốc vương Bàn La Trà Toàn cùng gia thuộc hơn 50 người... Nay em là Bàn La Trà Duyệt tạm thời coi việc nước, cúi xin được phân xử” [3, tr.86]. Các sử gia phần đông đồng nhất Ma Ha Bàn La Duyệt và Bàn La Trà Duyệt làm một. Theo đó, trong suốt hơn chục năm chấp chính làm chao đảo vương quốc của Bàn La Trà Toàn, Bàn La Trà Duyệt đã bị biệt giam hoặc quản thúc gát gao tại một nơi bí mật nào đó ở nội cung. Biến cố mùa xuân năm 1471 đã giải thoát ông khỏi tai họa giam cầm tưởng chừng vĩnh viễn. Để thực hiện kế sách ly gián đối phương, hoàng đế Đại Việt đưa ông trở lại địa vị chính trị người đứng đầu vương quốc, nhưng với tư cách chư hầu, làm đối trọng với nhà nước Champa miền cực Nam đang do tướng Bô Trì Trì thống quản, nguyên thuộc hạ của em trai ông nên cũng đồng thời là kẻ thù ông hiện tại.

Tuy nhiên, mang tinh thần phục hưng một đế chế Nagara Campa thống nhất, Bàn La Trà Duyệt đã tìm cách liên kết với Bô Trì Trì cùng các vị thủ lĩnh miền thượng nguyên Nam Bàn, song không nhận được sự ủng hộ thích đáng. Lực lượng tập hợp dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Bàn La Trà Duyệt đã đơn phương phản công ra miền đồng bằng Vijaya với một số thắng lợi bước đầu. Trước tình hình bị thách thức trắng trợn bởi sự bất phục của kẻ phiên thần, vị hoàng đế kiêu hãnh Đại Việt lập tức thân chinh vào mùa đông năm này như đã biết.

Ứng xử từ phía thiên triều Minh Thành Hóa trước lời cầu cứu của Bàn La Trà Duyệt quá chậm so với hành động của Lê Thánh Tông. Báo cáo tại triều đình Trung Hoa ngày 21.1.1475 cho biết: “Bọn Tuấn [Trần Tuấn] đi sứ Chiêm Thành để phong cho quốc vương Bàn La Trà Duyệt, khi hàng hải đến Tân Châu, Chiêm Thành; quân phòng thủ từ chối không cho vào, người thông dịch cho biết đất này đã bị An Nam chiếm, còn quốc vương Chiêm Thành tỵ nạn tại Linh sơn [Phật Linh sơn]. Khi đến Linh sơn thì được biết cả nhà Bàn La Trà Duyệt bị An Nam bắt và đất Chiêm Thành bị đổi tên thành châu Giao Nam [Quảng Nam – TG]” [3, tr.92-93].

Vậy vị Hoa Anh vương bị hoàng đế Lê Thánh Tông bắt sống đưa về Đông Đô an trí trong cuộc chinh phạt lần hai là Trà Duyệt hay Trà Toại?

Bản tấu của sứ thần Đại Việt tại Minh triều ngày 24.9.1475: “Năm trước nhân quốc vương Chiêm Thành Bàn La Trà Toàn xâm phạm đạo Hóa Châu, bị người em là Bàn La Trà Toại giết. Toại tự lập lên làm vua, sắp xin cầu phong; lại bị con Bàn La Trà Duyệt là Trà Chất Đà Lai giết, từ đó nước trong nước này loạn lạc nổi lên, không có một ngày yên ổn” [3, tr.95]. Lời tâu này đã bị bộ Binh cho là mâu thuẫn với tường trình của sứ thần Trần Tuấn nên Minh Thành Hóa ban sắc dụ khiển trách Lê Thánh Tông rằng: “Trước đây nhân Bàn La Trà Duyệt tâu rằng vương nước này là Bàn La Trà Toàn bị nước người bắt, Chiêm Thành hiện nay không có chủ, nên đến xin phong tước. Trẫm thể theo đức hiếu sinh của trời đất, chấp nhận lời trần tình, sai sứ đến phong. Đến lúc sứ trở về tâu rằng đất nước Chiêm Thành quả bị nước người chiếm đoạt, đổi thành châu áp...” [3, tr.96]. Rõ ràng vị chúa bị bắt chính danh là Bàn La Trà Duyệt, người được phong vương Hoa Anh quốc, song hoàng đế Lê Thánh Tông đã cho hoán cải là Trà Toại nhằm tránh những yêu cầu phiến toái từ phía thiên triều, như lần róng riết đòi giao trả Chàm vương Bí Cai gần đó. Đây là chi tiết lịch sử thú vị đã được *Toàn thư* của Lê triều mã hóa mà Quốc Sử Quán triều Nguyễn tuy có đem ra bàn trong lời *Cẩn án của Cương mục*: “Trà Duyệt có lẽ là Trà Toại mà chép lầm đi” [16, tr.1221], song chưa mạnh dạn quyết đoán.

Hoa Anh vương Bàn La Trà Duyệt thất thủ và bị vây bắt tại Phật Linh sơn, tức núi Thạch Bi. Nhận thấy khó có thể duy trì một thuộc quốc đóng vai trò vùng đệm kê miền biên thùy phía Nam, hoàng đế Lê Thánh Tông quyết định xóa sổ nhà nước Hoa Anh, đẩy lùi chủ quyền Champa về bên kia dãy Đại Lĩnh, biến Aryaru thành khu vực trái độn - ky my nếu không gọi là vô chủ - hoang địa. Đồng thời Lê đế cho “lập cháu vua trước là Trai Á Ma Phát Am làm vua, lấy đất ở 5 nơi thuộc biên giới phía Nam nước ấy từ Bang Đô Long, đến gần Chân Lạp cho ở...” [12, tr.612]. Văn bản tại triều đình nhà Minh cũng xác nhận: “Tề Á Ma Vật Am [Trai Á Ma Phát Am – TG] sai người tâu rằng người An Nam trả lại một cõi đất phía Nam, để cai quản và làm chúa nước này. Nhưng sợ uy trời không dám tự tiện chủ trì, bèn sai sứ tâu trình và xin phong” [3, tr.106]. Vậy là, đất đai xứ Kauthara thuộc lãnh thổ Hoa Anh lại được trả về Champa theo cách thức hợp nhất Kauthara và Panduranga, giao cho Trai Á Ma Phát Am thực thi toàn vẹn chủ quyền.

Nhà nước Hoa Anh tan rã sau gần một năm gây sóng gió trên chiến trường lẫn chính trường tại thời điểm rẽ ngoặt của lịch sử hai vương quốc Đại Việt và

Champa, mà vị quốc chủ duy nhất của nó đã cháy lên và vụt tắt như một ánh sao băng trên nền trời cong vút đại linga Aryaru.

Chú thích

⁽¹⁾ Theo TS. Nguyễn Văn Huy (Pháp), nhà nước Champa là một định chế hợp bang, bao gồm nhiều tiểu vương quốc, trong đó vùng đất Phú Yên nay tương ứng với tiểu quốc Aryaru.

⁽²⁾ Năm 1934, tri phủ huyện Tuy Hòa Nguyễn Văn Thơ tổ chức cuộc khảo sát chóp đỉnh núi Đá Bia nhưng không tìm ra vết khắc nào trên tảng đá.

⁽³⁾ Theo lời kể của nhà sưu tầm văn hóa dân gian Phú Yên Ka Sô Liêng, dẫn từ phuyen. org: “Truyện thuyết về núi Đá Bia”, phần dị bản.

Phụ lục ảnh



Di chỉ Thành Hồ (Phú Yên) với dấu tích hào nước và bức tường thành phía Đông. Chỗ nhô cao là ụ gác nằm vào vị trí chính giữa của mặt thành này (ảnh chụp của tác giả).



Bản đồ *Phủ Phú Yên giáp phủ Thái Khang* với hình bia ghi dòng chữ “Hồng Đức lập Thạch Bi” gây nhầm lẫn về một văn khắc trên đỉnh đá (ảnh chụp của tác giả).

Tài liệu tham khảo

1. G. Coedès. 2008. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. HN: Nxb. Thế giới.
2. G. Maspero. 1928. *Le royaume de Champa*. Paris: G. Van Oest.
3. Hồ Bạch Thảo (dịch và chú thích). 2010. *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc – Việt Nam thế kỷ XIV – XVII*. Tập 3. HN: Nxb. Hà Nội.
4. Lê Quý Đôn. 2007. *Phủ biên tạp lục*. HN: Nxb. Văn hóa – Thông tin.
5. Lương Ninh. 2006. *Vương quốc Champa*. HN: Nxb. Đại học Quốc gia.
6. Ngô Sĩ Liên. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập II. HN: Nxb. Khoa học xã hội.
7. Ngô Sĩ Liên. 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III. HN: Nxb. Khoa học xã hội.
8. Nguyễn Đình Đầu. 1996. *Phải chăng Bản đồ Alexandre de Rhodes 1650 vẽ theo Bản đồ Hồng Đức 1490?*. Tạp chí Xưa và Nay. Số 33.
9. Nguyễn Cửu Sà (dịch và biên soạn). 2001. *Những người bạn cố đô Huế*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
10. Nguyễn Trãi. 1960. *Dư địa chí*. HN: Nxb. Văn học sử.
11. Nguyễn Đình Tư. 1965. *Non nước Phú Yên*. Tiền Giang xuất bản.
12. QSQ triều Nguyễn. 1993. *Đại Nam liệt truyện*. Tập 2. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
13. QSQ triều Nguyễn. 2006. *Đại Nam nhất thống chí*. Tập III. HN: Nxb. Khoa học xã hội.
14. QSQ triều Nguyễn. 1962. *Đại Nam thực lục tiền biên*. Tập I. HN: Nxb. Sử học.
15. QSQ triều Nguyễn. 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập I. HN: Nxb. GD.
16. QSQ triều Nguyễn. 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập II. HN: Nxb. GD.
17. UBND tỉnh Phú Yên. 2009. *Lịch sử Phú Yên từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII*. HN: Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyễn Lục Gia – NCS Chuyên ngành LSVN

Trường THPT Trần Quốc Tuấn – Phú Hòa – Phú Yên

Email: vanjack.nguyen@gmail.com

ĐT: 0973433617